

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Ngày 10/12/2025, tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV đã thông qua Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (Luật số 117/2025/QH15); Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 55/2025/L-CTN ngày 12/12/2025; có hiệu lực thi hành từ **ngày 01/3/2026**; Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15 hết hiệu lực kể từ **ngày 01/3/2026**.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57); Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, trong đó định hướng sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã; Công văn số 43-CV/BCĐ ngày 20/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW về kế hoạch tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, theo đó cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

Căn cứ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó có giải pháp tăng cường chuyển đổi số trong công tác xây dựng, thi hành pháp luật, bảo vệ an toàn thông tin bí mật nhà nước.

Căn cứ Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội khóa XV sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Nghị quyết số 203).

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 9 ngày 16/6/2025.

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (Quyết định số 759).

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 15/11/2018 tại kỳ họp thứ 6, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020. Qua 05 năm triển khai thực hiện Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, công tác bảo vệ bí mật nhà nước đã đạt được nhiều kết quả quan trọng; nhận thức, ý thức bảo vệ bí mật nhà nước của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có nhiều chuyển biến tích cực, ngày càng được nâng cao; công tác thanh tra, kiểm tra được chú trọng; nhiều vụ việc lộ, mất bí mật nhà nước được phát hiện, điều tra, xử lý kịp thời... Những kết quả nêu trên góp phần bảo vệ, giữ vững an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, công tác bảo vệ bí mật nhà nước còn những tồn tại, hạn chế; một số quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước chưa phù hợp với thực tiễn, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay, cụ thể:

a) Về soạn thảo, lưu giữ, đăng tải, truyền đưa bí mật nhà nước

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước nghiêm cấm hành vi soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước trên máy tính hoặc thiết bị khác đã kết nối hoặc đang kết nối với mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, trừ trường hợp lưu giữ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về cơ yếu (khoản 5 Điều 5); truyền đưa bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin, viễn thông trái với quy định của pháp luật về cơ yếu (khoản 6 Điều 5); đăng tải bí mật nhà nước trên mạng máy tính (khoản 9 Điều 5). Quy định này đã phát sinh nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện, vì hầu hết hiện nay các ban, bộ, ngành, địa phương sử dụng máy tính có kết nối với nhau để soạn thảo, lưu giữ bí mật nhà nước, những mạng này được kết nối, hoạt động độc lập với mạng Internet nên việc bắt buộc trang bị giải pháp cơ yếu khi soạn thảo, lưu giữ, đăng tải, truyền đưa bí mật nhà nước trên mạng máy tính không bảo đảm tính khả thi và tốn kém nhiều kinh phí để thực hiện. Do đó, ngoài giải pháp cơ yếu, cần mở rộng thêm giải pháp, biện pháp khác bảo vệ an toàn bí mật nhà nước để phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

b) Phạm vi bí mật nhà nước

Để phù hợp với ngành, lĩnh vực sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy một số cơ quan ở trung ương, địa phương và phù hợp với chủ trương đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, cần sửa đổi, bổ sung phạm vi bí mật nhà nước làm cơ sở để Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành danh mục bí mật nhà nước bảo đảm thống nhất, chính xác, toàn diện.

c) Thẩm quyền xác định bí mật nhà nước và độ mật

Điều 10 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định bí mật nhà nước và độ mật, được phép hoặc không được phép sao, chụp nên đã gây khó khăn trong quá trình áp dụng khi việc quyết định độ mật chỉ có người đứng đầu, trong khi lĩnh vực công tác đã được phân công cho cấp phó phụ trách, chịu trách nhiệm, đặc biệt khi người đứng đầu đi công tác, vắng mặt tại cơ quan sẽ dẫn đến nhiều công việc liên quan đến bí mật nhà nước không được xử lý kịp thời.

Quy định trên tài liệu phải thể hiện nội dung được phép hoặc không được phép sao, chụp cũng ảnh hưởng đến việc triển khai các văn bản bí mật nhà nước và hạn chế thẩm quyền của người được Luật quy định cho phép sao, chụp. Do đó, cần sửa đổi quy định này nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn; tháo gỡ vướng mắc trong giải quyết, xử lý tài liệu bí mật nhà nước.

d) Hình thức văn bản quy định danh mục bí mật nhà nước và chủ thể lập danh mục bí mật nhà nước đối với danh mục bí mật nhà nước của tổ chức chính trị - xã hội

Về hình thức văn bản quy định danh mục bí mật nhà nước: Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định trình tự, thủ tục ban hành danh mục bí mật nhà nước theo trình tự, thủ tục ban hành văn bản hành chính nhưng chưa quy định rõ hình thức của văn bản này dẫn đến cách hiểu khác nhau của một số cơ quan, tổ chức trong quá trình lập danh mục. Do đó, cần quy định cụ thể hình thức của văn bản này để áp dụng thống nhất.

Về chủ thể lập danh mục bí mật nhà nước đối với danh mục bí mật nhà nước của tổ chức chính trị - xã hội: theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước thì người đứng đầu cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội lập danh mục bí mật nhà nước của tổ chức chính trị - xã hội. Ngày 12/4/2025, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 60-NQ/TW, trong đó

đồng ý chủ trương sắp xếp, tinh gọn hợp nhất cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; đồng thời thể chế hóa chủ trương trên tại dự thảo Hiến pháp sửa đổi (Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam). Do đó, cần sửa đổi, bổ sung chủ thể lập danh mục bí mật nhà nước của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội cho phù hợp với chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp sửa đổi.

đ) Thẩm quyền sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tại Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 và Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025. Theo đó, mô hình chính quyền địa phương được tổ chức theo 2 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không tổ chức mô hình cấp huyện. Tuy nhiên, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định cấp xã không có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; cấp phó chỉ được cho phép sao, chụp khi người đứng đầu có thẩm quyền sao, chụp ủy quyền bằng văn bản. Quy định này gây khó khăn cho cấp xã khi triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và phát sinh thủ tục hành chính nội bộ không cần thiết trong việc ủy quyền cho phép sao, chụp; ảnh hưởng đến công tác thường xuyên của cơ quan, tổ chức.

Ngoài ra, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước chưa quy định thẩm quyền sao, chụp đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu tổ chức đảng của cơ quan, đơn vị có tổ chức đảng hoạt động nên cần thiết phải bổ sung thẩm quyền của đối tượng trên.

e) Thẩm quyền quyết định cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tuyệt mật cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định Thủ tướng Chính phủ là người duy nhất có thẩm quyền cho phép cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tuyệt mật cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài. Tuy nhiên, trên thực tiễn áp dụng quy định này còn gặp khó khăn khi Thủ tướng đi công tác hoặc bận giải quyết, xử lý vụ việc quan trọng, cấp bách của Chính phủ. Do đó, cần mở rộng thẩm quyền cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tuyệt mật cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

g) Về xác định thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước

Khoản 2 Điều 19 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định trường hợp thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước về hoạt động ngắn hơn thời hạn theo quy định của Luật thì phải xác định cụ thể tại tài liệu. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng quy định này còn có cách hiểu khác nhau đối với việc xác định cụ thể tại tài liệu (thể hiện bằng cách chú thích trên tài liệu hay sử dụng con dấu). Do đó, cần sửa đổi, bổ sung quy định này để áp dụng thống nhất, tránh cách hiểu khác nhau.

h) Về thu hồi tài liệu sau hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức Việt Nam

Điều e khoản 1 Điều 17 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải được thu hồi sau hội nghị, hội thảo, cuộc họp. Tuy nhiên, khi thực hiện quy định trên gặp nhiều vướng mắc, bất cập trong thực tiễn, đặc biệt là các hội nghị tập huấn, tổng kết, triển khai công tác năm, cần thiết phải phát tài liệu cho đại biểu tham dự để nghiên cứu, triển khai sau hội nghị, hội thảo. Ngoài ra, việc thu hồi sau nghị, hội thảo, cuộc họp dẫn đến các cơ quan, đơn vị có nhu cầu phải tiến hành thủ tục đề nghị cung cấp làm phát sinh thủ tục hành chính và ảnh hưởng đến việc triển khai nội dung công tác của hội nghị, hội thảo, cuộc họp. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định này nhằm phù hợp với thực tiễn công tác của cơ quan, tổ chức và tính chất hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước hiện nay.

i) Về gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định khi hết thời hạn bảo vệ 10 năm đối với bí mật nhà nước độ Mật, 20 năm đối với bí mật nhà nước độ Tối mật, 30 năm đối với bí mật nhà nước độ Tuyệt mật thì cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước xem xét tiến hành gia hạn thời hạn bảo vệ nếu việc giải mật gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc. Tuy nhiên, thực tiễn phát sinh việc cần thiết phải gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước trong trường hợp thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước kết thúc trước thời hạn 10 năm hoặc 20 năm hoặc 30 năm (theo quy định tại khoản 2 Điều 19) nhưng do điều kiện khách quan cần thiết phải gia hạn thời hạn để bảo vệ, chưa được quy định trong Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, như: trong hoạt động bắt, khám xét (đối tượng bỏ trốn hoặc vắng mặt), hoạt động thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo...(thay đổi thời gian công khai kết luận thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo). Do đó, cần thiết phải bổ sung trường hợp này để phòng ngừa lộ, mất bí mật nhà nước.

k) Về đương nhiên giải mật và thẩm quyền thành lập hội đồng giải mật, thẩm quyền giải mật

Về đương nhiên giải mật: Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định 02 trường hợp đương nhiên giải mật, gồm hết thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước và thời gian gia hạn thời hạn bảo vệ, không còn thuộc danh mục bí mật nhà nước. Tuy nhiên, thực tiễn phát sinh trường hợp sử dụng bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức khác, khi bí mật nhà nước đó đã được cơ quan, tổ chức xác định tiến hành giải mật thì cũng đồng thời được giải mật tại tài liệu khác nhưng Luật Bảo vệ bí mật nhà nước không quy định trường hợp này, dẫn đến cơ quan, tổ chức sử dụng phải giải mật theo trình tự, thủ tục thành lập Hội đồng giải mật theo quy định của Luật làm phát sinh thêm thủ tục và không đáp ứng yêu cầu công tác trong tình huống cấp bách. Vì vậy, cần thiết phải bổ sung trường hợp đương nhiên giải mật để phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu công tác.

Về thẩm quyền giải mật: Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước có thẩm quyền xem xét quyết định giải mật. Quá trình áp dụng quy định này gặp một số khó khăn, vướng mắc khi cấp trưởng đi công tác hoặc vì lý do khách quan mà vắng mặt ở cơ quan; đồng thời Chủ tịch hội đồng giải mật là người chủ trì tổ chức cuộc họp, đánh giá việc giải mật nên nắm rõ bí mật nhà nước cần giải mật. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung quy định này nhằm bảo đảm tính khả thi và phù hợp với thực tiễn công tác bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức.

l) Về trách nhiệm của người đứng đầu của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (khoản 1 Điều 25) quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước có trách nhiệm ban hành nội quy bảo vệ bí mật nhà nước trong cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai thực hiện quy định này cho thấy, cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước gồm nhiều cấp khác nhau: cấp vụ, cục; cấp sở, ban, ngành; cấp huyện, xã, phòng, đội. Trong khi đó, những đơn vị này có tổ chức bộ máy đơn giản, số lượng công chức, viên chức, người lao động không lớn nên việc bắt buộc phải ban hành nội quy bảo vệ bí mật nhà nước là không cần thiết.

m) Ngoài ra, để phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy ở trung ương và địa phương sau sắp xếp, tinh gọn, cần bãi bỏ một số cụm từ quy định trong Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, như Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (điểm e khoản 1 Điều 11), tổng cục (điểm n khoản 1, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 11), Tòa án nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (điểm đ khoản 2 Điều 11), huyện ủy, quận ủy, thành ủy, thị

ủy (điểm e khoản 2 Điều 11), đảng đoàn, ban cán sự đảng, tổ chức xã hội (khoản 3 Điều 24)...

Để khắc phục những vướng mắc, bất cập nêu trên, phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy sau tinh gọn và kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số thì việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước là yêu cầu khách quan và cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích ban hành văn bản

Mục đích xây dựng dự án Luật nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng tại Nghị quyết số 57, Nghị quyết số 66; phục vụ triển khai Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp theo Quyết định số 759; đồng thời bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Quan điểm xây dựng dự án Luật

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước được xây dựng trên cơ sở quán triệt các quan điểm chỉ đạo sau đây:

a) Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Đảng, Nhà nước về công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

b) Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2025; tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; phù hợp với điều kiện, yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước trong tình hình hiện nay.

c) Thể chế hóa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số và đổi mới công tác xây dựng, thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới theo tinh thần Nghị quyết số 57 và Nghị quyết số 66.

d) Việc xây dựng dự án Luật phải khắc phục triệt để những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn; kế thừa những quy định còn phù hợp; tuân thủ điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

đ) Tạo khuôn khổ pháp lý đầy đủ cho công tác bảo vệ bí mật nhà nước đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế.

3. Mục tiêu

Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Theo đó, việc xây dựng dự án Luật phải xóa bỏ mọi tư tưởng, quan điểm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đáp ứng hoạt động của chính quyền cấp xã trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

Bảo đảm tốt các quyền con người, quyền công dân; phòng ngừa lộ, mất bí mật nhà nước; nghiêm cấm các hành vi lợi dụng hoặc lạm dụng bảo vệ bí mật nhà nước để che dấu hành vi vi phạm pháp luật.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT; NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN LƯU Ý TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN LUẬT VÀ DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH CỦA LUẬT BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

1. Bố cục của Luật

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025 được bố cục thành **05 chương, 28 điều** (giữ nguyên số lượng Chương và Điều so với Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018), cụ thể:

- **Chương I. Những quy định chung**, gồm 06 điều (từ Điều 1 đến Điều 6), quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước; hợp tác quốc tế về bảo vệ bí mật nhà nước; các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước; kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ bảo vệ bí mật nhà nước.

- **Chương II. Phạm vi, phân loại, ban hành danh mục bí mật nhà nước**, gồm 03 điều (từ Điều 7 đến Điều 9), quy định về phạm vi bí mật nhà nước; phân loại bí mật nhà nước; ban hành danh mục bí mật nhà nước.

- **Chương III. Hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước**, gồm 14 điều (từ Điều 10 đến Điều 23), quy định về xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước; sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; thống kê, lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ; cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, người Việt

Nam; cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài; hội nghị, hội thảo, cuộc họp của cơ quan, tổ chức Việt Nam có nội dung bí mật nhà nước; hội nghị, hội thảo, cuộc họp có yếu tố nước ngoài tổ chức tại Việt nam có nội dung bí mật nhà nước; thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước; gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước; điều chỉnh độ mật; giải mật; tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.

- **Chương IV. Trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước**, gồm 03 điều (từ Điều 24 đến Điều 26), quy định trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước; trách nhiệm của người tiếp cận, người trực tiếp quản lý bí mật nhà nước.

- **Chương V. Điều khoản thi hành**, gồm 02 điều (Điều 27 và Điều 28), quy định về hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp.

2. Những nội dung cơ bản cần lưu ý trong quá trình thực hiện Luật

- “Mạng LAN độc lập” là mạng được giới hạn trong phạm vi một trụ sở cơ quan, tổ chức, đơn vị, không kết nối với mạng Internet, mạng viễn thông. Đối với đơn vị có 02 trụ sở độc lập trở lên, được tách riêng ở 02 địa chỉ khác nhau thì khi kết nối mạng máy tính với nhau không được xác định là “mạng LAN độc lập” theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025 và mạng này khi sử dụng để soạn thảo, lưu giữ, truyền đưa, gửi, nhận bí mật nhà nước phải sử dụng giải pháp mã hóa cơ yếu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025 bổ sung quy trình bảo vệ đối với cả tài liệu bí mật nhà nước là dự thảo văn bản. Theo đó, dự thảo văn bản chứa nội dung bí mật nhà nước phải được người soạn thảo đề xuất người có thẩm quyền xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước và đóng dấu chỉ độ mật, dấu thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước để bảo vệ, phòng ngừa lộ, mất bí mật nhà nước, làm căn cứ xử lý hành vi vi phạm. Như vậy, quy trình bảo vệ và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước đối với dự thảo văn bản chứa nội dung bí mật nhà nước được thực hiện tương tự như tài liệu bí mật nhà nước được ký, ban hành chính thức.

- Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025 đã bãi bỏ quy định về thủ tục xin phép mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác ở trong nước để giảm bớt thủ tục hành chính nội bộ và phù hợp với

thực tiễn công tác bảo vệ bí mật nhà nước hiện nay. Tuy nhiên, việc mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác trong nước phải đảm bảo nguyên tắc liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ được giao (người được giao nhiệm vụ xử lý, giải quyết công việc liên quan đến tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước mang ra khỏi nơi lưu giữ) và có trách nhiệm, biện pháp bảo vệ an toàn không để xảy ra lộ, mất tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.

- Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025 quy định việc tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tối mật, độ Mật không phải thành lập hội đồng nhằm phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính nội bộ. Tuy nhiên, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước là hoạt động quan trọng, bí mật nhà nước bị tiêu hủy sẽ không thể khôi phục để sử dụng tiếp. Do đó, khi triển khai thực hiện quy định này cần phải xem xét, đánh giá thận trọng, chỉ thực hiện tiêu hủy khi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đã hết giá trị sử dụng, không cần thiết phải lưu giữ và cần có biện pháp kiểm soát, quản lý chặt chẽ để tránh tình trạng lạm dụng quy định mở tại Luật để tiêu hủy.

- Thực tiễn hiện nay, nhiều cơ quan, tổ chức, địa phương có nhu cầu tận dụng máy tính đã từng kết nối với mạng Internet để soạn thảo, lưu giữ bí mật nhà nước, nhưng Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 nghiêm cấm hành vi này nên nhiều cơ quan, tổ chức, địa phương gặp khó khăn trong sử dụng khi máy tính này được bảo đảm an ninh, an toàn. Để khắc phục vướng mắc, bất cập nêu trên, Luật Bảo vệ bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025 đã bổ sung quy định cho phép các ban, bộ, ngành, địa phương được sử dụng máy tính này để soạn thảo, lưu giữ bí mật nhà nước khi đã được bảo đảm an ninh, an toàn, phòng, chống xâm phạm bí mật nhà nước.

- Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025 cho phép triển khai, sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo vào công tác bảo vệ bí mật nhà nước để phù hợp với chủ trương tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào mọi mặt công tác và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, nhưng quá trình triển khai cần lưu ý tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (như hệ thống phần mềm phải đảm bảo an ninh, an toàn, máy tính cài đặt phần mềm không được kết nối mạng Internet, mạng viễn thông...), đặc biệt là vi phạm các quy định bị nghiêm cấm tại Luật. Ngoài ra, cần phải tuân thủ quy định của Luật An ninh mạng, Luật Cơ yếu, Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Trí tuệ nhân tạo; trong đó, cần chú ý nghiên cứu quy định tại Luật An ninh mạng và Luật Trí tuệ nhân tạo vừa được thông qua tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

3. Dự báo tác động chính sách của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước

- Tác động đến quốc phòng, an ninh

Bảo vệ bí mật nhà nước là nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định chính trị và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh quốc tế ngày càng trở nên phức tạp, khó lường, các thế lực thù địch, bọn tội phạm trong và ngoài nước không ngừng gia tăng các hoạt động tình báo, gián điệp để thu thập, đánh cắp, chiếm đoạt bí mật nhà nước chống phá Việt Nam nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản và chế độ XHCN. Từ tình hình trên, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước được thi hành tiếp tục khẳng định, thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng về bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước tạo khuôn khổ pháp lý đầy đủ, vững chắc cho công tác bảo vệ bí mật nhà nước đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước phân định rõ phạm vi của bí mật nhà nước trên các lĩnh vực sẽ góp phần minh bạch hóa thông tin trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước. Phù hợp với quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền công dân và phù hợp với Luật Tiếp cận thông tin về phạm vi thông tin mà công dân được tiếp cận. Việc minh bạch, rõ ràng thông tin sẽ củng cố sự tin tưởng của nhân dân vào chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, bảo đảm sự phát triển của đất nước.

Bên cạnh đó, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước là cơ sở pháp lý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành giải mật các tin, tài liệu đang lưu giữ, bảo quản, từ đó giảm thiểu chi phí đầu tư cho công tác bảo vệ bí mật nhà nước (thời gian, nhân lực, kho, bãi, thiết bị bảo quản, giám sát, phòng cháy chữa cháy...). Mặt khác, có thể sử dụng các thông tin thuộc bí mật nhà nước đã được giải mật phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài hoặc khôi phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế, thu hút đầu tư vào thị trường nông nghiệp, thương mại, khai thác khoáng sản, thăm dò dầu khí... Việc quán triệt, thực hiện tốt Luật Bảo vệ bí mật nhà nước sẽ góp phần vào sự ổn định và phát triển bền vững mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội.

- Tác động đến quản lý nhà nước

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định trách nhiệm cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện bảo vệ bí mật nhà nước. Trong đó, quy định thống nhất về thẩm quyền quyết định danh mục bí mật nhà nước, bảo đảm phân định thống nhất về bí mật nhà nước ở các cấp độ, các ngành, các lĩnh vực khác nhau, góp phần làm tăng tính hiệu quả trong quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước. Bên cạnh đó, quy định rõ đối tượng và trách nhiệm phải bảo vệ bí mật nhà nước đối với các bí mật nhà nước được tiếp cận, cung cấp, sử dụng, phổ biến, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức.

Việc xây dựng, cũng như kiến nghị sửa đổi, bổ sung danh mục bí mật nhà nước dựa trên các tiêu chí, căn cứ rõ ràng trong Luật Bảo vệ bí mật nhà nước tránh được tình trạng mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi của bí mật nhà nước; hạn chế tình trạng xác định không đúng bí mật nhà nước xác định sai độ mật, từ đó có biện pháp bảo vệ bí mật nhà nước phù hợp, giảm thiểu số vụ việc lộ, mất bí mật nhà nước; đồng thời, tăng cường cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

- Tác động về giới

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định các chủ thể thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử về giới. Hiện nay, qua khảo sát thực tế, đa số cán bộ làm công tác văn thư, lưu trữ là phụ nữ. Vì vậy, việc dự thảo Luật quy định về giải mật, điều chỉnh độ mật sẽ hạn chế được tình trạng quá tải trong công tác văn thư, lưu trữ, qua đó góp phần giảm áp lực công việc đối với những cán bộ nữ có liên quan đến công tác này.

IV. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước quy định về bí mật nhà nước, bảo vệ bí mật nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của tổ chức, cá nhân trong bảo vệ bí mật nhà nước (Điều 4, Điều 24)

Luật quy định bảo vệ bí mật nhà nước là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân; việc quản lý, sử dụng bí mật nhà nước bảo đảm đúng mục đích, thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; bí mật nhà nước được bảo vệ theo thời hạn quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân theo quy định của pháp luật.

3. Giải thích từ ngữ (Điều 2)

a) Luật bổ sung 02 khái niệm mới, gồm:

- Khái niệm “Mạng LAN độc lập”: Luật quy định “Mạng LAN độc lập” là mạng máy tính cục bộ được thiết lập, giới hạn trong một trụ sở cơ quan, tổ chức, không kết nối với mạng Internet, mạng viễn thông, mạng máy tính khác có kết nối ra ngoài trụ sở đó và có biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn, phòng, chống kết nối, tấn công, thu thập thông tin trái phép. Đây là quy định mới được bổ sung tại Luật để thống nhất cách hiểu về “Mạng LAN độc lập” dùng để soạn thảo, lưu giữ, gửi, nhận bí mật nhà nước trong cơ quan, tổ chức.

- Khái niệm “Văn bản điện tử bí mật nhà nước”: Luật quy định “Văn bản điện tử bí mật nhà nước” là văn bản chứa bí mật nhà nước dưới dạng dữ liệu số được người có thẩm quyền theo quy định của Luật này xác định. Việc bổ sung khái niệm “Văn bản điện tử bí mật nhà nước” nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia trong giai đoạn hiện nay khi các ban, bộ, ngành, địa phương tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác bảo vệ bí mật nhà nước, tiến tới không sử dụng tài liệu bí mật nhà nước là bản giấy.

b) Luật sửa đổi khái niệm bí mật nhà nước theo hướng được người có thẩm quyền xác định thay vì quy định cứng là người đứng đầu cơ quan, tổ chức nhằm bảo đảm tính khả thi và thực tiễn công tác bảo vệ bí mật nhà nước. Theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật, người có thẩm quyền xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức. Đồng thời, bổ sung hình thức chứa bí mật nhà nước bao gồm tài liệu là bản giấy và văn bản điện tử để bao quát cả dữ liệu số, dữ liệu điện tử.

4. Các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 5)

a) Luật bổ sung 02 quy định mới nghiêm cấm đối với các hành vi:

- Nghiêm cấm xác định bí mật nhà nước đối với thông tin không thuộc danh mục bí mật nhà nước (khoản 1 Điều 5). Thực tiễn hiện nay, một số cơ quan, tổ chức, địa phương xác định bí mật nhà nước đối với thông tin không

thuộc danh mục bí mật nhà nước gây khó khăn cho công tác quản lý, sử dụng và hoạt động chỉ đạo điều hành. Do đó, Luật bổ sung quy định nghiêm cấm hành vi này nhằm nâng cao trách nhiệm của người soạn thảo, đề xuất độ mật và trách nhiệm của người có thẩm quyền quyết định độ mật; đồng thời tạo cơ sở pháp lý xử lý hành vi xác định không đúng bí mật nhà nước.

- Nghiêm cấm sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo hoặc công nghệ mới để xâm phạm bí mật nhà nước (khoản 10 Điều 5). Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025 cho phép sử dụng triển khai hệ thống trí tuệ nhân tạo vào công tác bảo vệ bí mật nhà nước nhưng nghiêm cấm việc sử dụng hệ thống này hoặc công nghệ mới để xâm phạm bí mật nhà nước.

b) Sửa đổi, bổ sung 02 hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước gồm:

- Luật quy định mở rộng, cho phép soạn thảo, lưu giữ, gửi, nhận bí mật nhà nước trên mạng máy tính là “Mạng LAN độc lập” được giới hạn trong phạm vi một trụ sở cơ quan, tổ chức, không phải mã hóa bằng mật mã cơ yếu (khoản 2 Điều 5) nhằm tháo gỡ triệt để vướng mắc tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia, thực tiễn công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong tình hình hiện nay; đồng thời, giúp tiết kiệm cho ngân sách nhà nước chi cho việc trang cấp phương tiện, thiết bị mã hóa và giải pháp cơ yếu.

- Sửa đổi, bổ sung nghiêm cấm đối với hành vi “Sử dụng máy tính, thiết bị khác để soạn thảo, lưu giữ tài liệu bí mật nhà nước khi chưa bảo đảm an ninh, an toàn, phòng, chống xâm phạm bí mật nhà nước” (khoản 8 Điều 5) để bảo đảm an toàn bí mật nhà nước, phòng, chống máy tính, thiết bị bị cài đặt mã độc, phần mềm gián điệp để thu thập, đánh cắp bí mật nhà nước.

5. Phạm vi bí mật nhà nước (Điều 7)

Quy định về phạm vi bí mật nhà nước cơ bản được kế thừa từ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018; có sửa đổi, bổ sung theo hướng phân loại lĩnh vực theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và mô hình tổ chức bộ máy sau sắp xếp, tinh gọn, đồng thời giới hạn phạm vi bí mật nhà nước trong một số lĩnh vực như: Hoạt động lập hiến, lập pháp, giám sát, quyết định vấn đề quan trọng của đất nước, thông tin về nông nghiệp, công nghiệp, thương mại liên quan đến quốc phòng, an ninh; thông tin về y tế có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng con người, tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội;

thông tin về lao động có tác động tiêu cực đến chính trị, đối ngoại, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; quy trình chuẩn bị và triển khai, thực hiện công tác tổ chức, cán bộ đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người làm việc trong tổ chức cơ yếu cấp cục, cấp vụ và tương đương trở lên.

Bãi bỏ, đưa ra khỏi phạm vi bí mật nhà nước những thông tin công khai trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và không bảo vệ theo danh mục bí mật nhà nước hiện hành, như thông tin về “dân số”, “người có công với cách mạng”, “bình đẳng giới”, “trẻ em”, “phương pháp, bí quyết sáng tạo, trao truyền di sản văn hóa phi vật thể”, “phương pháp, bí quyết tuyển chọn huấn luyện viên, vận động viên các môn thể thao thành tích cao; biện pháp, bí quyết phục hồi sức khỏe vận động viên sau luyện tập, thi đấu; đấu pháp trong thi đấu thể thao thành tích cao”, “thông tin về di sản, cổ vật, bảo vật quốc gia”, “số lượng, nơi lưu giữ kim loại quý hiếm, đá quý và vật quý hiếm khác của nhà nước”, “quy trình sản xuất dược liệu, thuốc sinh học quý hiếm”, “giải quyết khiếu nại”...

6. Phân loại bí mật nhà nước (Điều 8)

- Bổ sung thông tin liên quan đến khoa học công nghệ vào bí mật nhà nước độ Tuyệt mật nhằm bảo vệ những thông tin về khoa học công nghệ, sáng chế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội.

- Sửa đổi quy định về phân loại bí mật nhà nước độ Tối mật, độ mật theo hướng dẫn chiếu đến các lĩnh vực quy định tại Điều 7 (Phạm vi bí mật nhà nước) để bảo đảm tính khái quát và đầy đủ các lĩnh vực cần bảo vệ.

7. Ban hành danh mục bí mật nhà nước (Điều 9)

Luật bổ sung quy định mới về chủ thể có trách nhiệm lập danh mục bí mật nhà nước của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (điểm c khoản 2 Điều 9). Theo đó, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm lập danh mục bí mật nhà nước của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Như vậy, theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025 thì Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội sẽ áp dụng chung 01 danh mục bí mật nhà nước thay vì 06 danh mục bí mật nhà nước như hiện nay.

8. Xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước (Điều 10)

Để phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan, tổ chức, địa phương và chủ trương tăng cường phân cấp, phân quyền trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước, ngoài người đứng đầu, Luật bổ sung quy định cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước. Quy định này góp phần giải quyết triệt để vướng mắc trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước khi người đứng đầu vắng mặt tại cơ quan.

9. Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước (Điều 11)

a) Luật bổ sung quy định mới về chủ thể có thẩm quyền sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước:

Nhằm phục vụ hoạt động, vận hành của chính quyền địa phương 02 cấp, đặc biệt là cấp xã, Luật bổ sung cấp xã, một số cơ quan ở trung ương tổ chức theo mô hình khu vực (Kho bạc Nhà nước khu vực, Hải quan khu vực, Dự trữ Nhà nước khu vực, Tòa án nhân dân khu vực, Viện kiểm sát nhân dân khu vực) có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đến độ Tối mật. Bổ sung quy định đối với cơ quan chính quyền có tổ chức đảng song song thì người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đảng đó cũng có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước. Quy định này góp phần khắc phục triệt để khó khăn, vướng mắc hiện nay khi cơ quan, tổ chức đảng triển khai, xử lý tài liệu bí mật nhà nước do cấp ủy Đảng cấp trên ban hành.

b) Luật bãi bỏ quy định về thủ tục ủy quyền thẩm quyền cho cấp phó cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước để tăng cường phân cấp, phân quyền và cắt giảm thủ tục hành chính nội bộ trong cơ quan, tổ chức. Theo đó, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ mật nào thì cấp phó có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước tương ứng với độ mật đó (trừ cấp phó trưởng phòng và tương đương thì không có thẩm quyền sao, chụp).

10. Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ (Điều 14)

Để phù hợp với thực tiễn và đơn giản hóa thủ tục hành chính trong nội bộ, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025 bãi bỏ thủ tục xin phép khi mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác trong nước và bổ sung quy định trách nhiệm của người mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ, biện pháp bảo vệ, nội dung liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ được giao và việc bàn giao lại cơ quan sau khi xử lý xong công

việc tại Nghị định của Chính phủ.

11. Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài (Điều 16)

Quy định về cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài cơ bản được kế thừa từ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018; có sửa đổi, bổ sung thẩm quyền cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tuyệt mật. Theo đó, ngoài Thủ tướng Chính phủ, Luật bổ sung Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội có thẩm quyền quyết định cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tuyệt mật cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài để phù hợp với nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành của từng chủ thể và thực tiễn công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

12. Hội nghị, hội thảo, cuộc họp của cơ quan, tổ chức Việt Nam có nội dung bí mật nhà nước (Điều 17)

Quy định về thẩm quyền quyết định hội nghị, hội thảo, cuộc họp của cơ quan, tổ chức Việt Nam có nội dung bí mật nhà nước, thành phần tham dự hội nghị, hội thảo, cuộc họp được kế thừa từ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018; có sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến thu hồi tài liệu sau hội nghị, hội thảo, cuộc họp và trách nhiệm của người chủ trì (khoản 2, khoản 3 Điều 17). Theo đó, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025 sửa đổi theo hướng giao người chủ trì hội nghị, hội thảo, cuộc họp quyết định việc thu hồi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước sau hội nghị, hội thảo, cuộc họp thay vì quy định bắt buộc phải thu hồi như quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018; đồng thời người chủ trì chịu trách nhiệm trước người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức về việc bảo vệ bí mật nhà nước tại hội nghị, hội thảo, cuộc họp nhằm nâng cao tính chịu trách nhiệm của người chủ trì trong việc bảo vệ bí mật nhà nước.

13. Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có yếu tố nước ngoài tổ chức tại Việt Nam có nội dung bí mật nhà nước (Điều 18)

Quy định về hội nghị, hội thảo, cuộc họp có yếu tố nước ngoài tổ chức tại Việt Nam có nội dung bí mật nhà nước cơ bản được kế thừa từ quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018; có sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của người chủ trì hội nghị, hội thảo, cuộc họp về việc bảo vệ bí mật nhà nước (tương tự như quy định tại Điều 17) tại hội nghị, hội thảo, cuộc họp có yếu tố nước ngoài tổ chức tại Việt Nam.

14. Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước (Điều 19)

Kế thừa quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018, Luật giữ nguyên quy định thời hạn bảo vệ đối với bí mật nhà nước độ Tuyệt mật là 30 năm, độ Tối mật là 20 năm, độ Mật là 10 năm nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của công dân. Luật bổ sung quy định thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước đối với dự thảo văn bản chứa nội dung bí mật nhà nước được xác định bằng dấu “Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước”. Đây là quy định mới so với Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 nhằm bảo vệ toàn diện bí mật nhà nước (cả văn bản dự thảo và văn bản được ký, ban hành chính thức). Đồng thời bổ sung quy định giao Chính phủ quy định việc gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước đối với văn bản điện tử bí mật nhà nước.

15. Gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước (Điều 20)

Để khắc phục vướng mắc, bất cập trên thực tiễn, Luật bổ sung quy định việc gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước đối với trường hợp thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước kết thúc trước thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 19. Việc bổ sung quy định này nhằm khắc phục vướng mắc trong bảo vệ tài liệu bí mật nhà nước về hoạt động thanh tra, giải quyết tố cáo, hoạt động bắt, khám xét do lý do khách quan mà không thể tiến hành nhưng đã hết thời hạn bảo vệ thì cần thiết phải tiến hành gia hạn để phòng ngừa lộ bí mật nhà nước. Đồng thời bổ sung quy định giao Chính phủ quy định việc gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước đối với văn bản điện tử bí mật nhà nước.

16. Điều chỉnh độ mật (Điều 21)

Quy định về điều chỉnh độ mật cơ bản được kế thừa từ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018; có sửa đổi, bổ sung thẩm quyền điều chỉnh độ mật cho phù hợp với việc sửa đổi thẩm quyền xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước và giao Chính phủ quy định chi tiết việc điều chỉnh độ mật văn bản điện tử bí mật nhà nước.

17. Giải mật (Điều 22)

Kế thừa quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018, Luật giữ nguyên quy định về các trường hợp giải mật; thủ tục giải mật trong trường hợp thành lập hội đồng; có sửa đổi, bổ sung cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước cũng có thẩm quyền quyết định giải mật trong trường hợp thành lập hội đồng nhằm tăng cường phân cấp, phân quyền trong hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước; đồng thời sửa đổi quy định giải mật trong

trường hợp sử dụng bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức khác mà bí mật nhà nước đó đã được giải mật, có thông báo giải mật thì không phải thành lập hội đồng giải mật.

18. Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước (Điều 23)

Nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025 bãi bỏ quy định tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tối mật, độ Mật phải thành lập hội đồng. Theo đó, việc thành lập hội đồng chỉ thực hiện đối với việc tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và giao Chính phủ quy định thủ tục tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tối mật, độ Mật.

19. Trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức (Điều 24)

Kế thừa quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018, Luật giữ nguyên quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước; Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước; Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý; Ban Cơ yếu Chính phủ giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực cơ yếu.

Luật bổ sung quy định các ban, bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm quyết định biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn, phòng, chống xâm phạm bí mật nhà nước đối với “mạng LAN độc lập”; sử dụng máy tính, thiết bị đã dùng để soạn thảo, lưu giữ bí mật nhà nước; sử dụng máy tính, thiết bị có lịch sử kết nối với mạng máy tính (trừ mạng LAN độc lập), mạng Internet, mạng viễn thông để soạn thảo, lưu giữ bí mật nhà nước; triển khai, sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo hoặc công nghệ mới trong hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước (điểm đ, điểm e khoản 3 Điều 24). Đây là quy định mới được bổ sung trong Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025 nhằm phù hợp với chủ trương tăng cường phân cấp, phân quyền trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước, phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan, tổ chức, địa phương và nâng cao trách nhiệm, tăng tính chủ động trong hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức, địa phương.

20. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước (Điều 25)

Quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước cơ bản được kế thừa từ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước

năm 2018; Luật bãi bỏ quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước phải xây dựng nội quy bảo vệ bí mật nhà nước cho phù hợp với thực tiễn công tác bảo vệ bí mật nhà nước. Theo đó, cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước tổ chức triển khai công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, văn bản hướng dẫn thi hành và quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức cấp trên.

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2025 ban hành được kỳ vọng nhằm bảo vệ tốt hơn bí mật nhà nước trong kỷ nguyên chuyển đổi số, góp phần phòng ngừa nguy cơ lộ, lọt thông tin mật, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ sự phát triển bền vững của đất nước trong giai đoạn mới./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, PBGDPL (NT.Hiền).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG